

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2020/DSST
Ngày: 10/03/2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Bà Đặng Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 720/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Như T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số 22/7/6 đường số 1, khu phố 5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 414/6/11 Quốc Lộ 13, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Như T trình bày:*

Bà Dương Thị Như T và bà Phạm Thị Mỹ H có mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 13/12/2017, bà T có cho bà H vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, khi vay hai bên có lập giấy tờ viết tay (giấy vay tiền là do bà H tự viết và ký tên), trong giấy vay tiền không quy định thời hạn trả nợ và không có lãi suất, tuy nhiên bà H có nói với bà T là bất cứ khi nào bà T cần tiền thì bà H sẽ trả lại và hai bên thỏa thuận

miệng bên ngoài lãi suất là 2%/tháng. bà H đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà H đã trả cho bà T được 17 tháng tiền lãi từ tháng 01/2018 đến tháng 05/2019 là 17 tháng x 2%/tháng x 100.000.000 đồng = 34.000.000 đồng và ngưng trả tiền lãi từ tháng 06/2019 cho đến nay.

Đến ngày 23/9/2019, bà T đã thông báo cho bà H về việc yêu cầu bà H trả tiền nợ cho bà T trong thời hạn 15 ngày, hạn cuối bà H phải trả nợ cho bà T là ngày 08/10/2019. Việc thông báo này đã được Văn phòng thừa phát lại quận Thủ Đức lập vi bằng số 1288/2019/VB-TPLQ.TĐ ngày 23/9/2019.

Nay đã quá thời hạn trên nhưng bà H vẫn cố tình trốn tránh không trả tiền cho nguyên đơn, do vậy nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và tiền lãi là 10.000.000 (mười triệu) đồng, tổng cộng là 110.000.000 (một trăm mười triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong bản tự khai ngày 09/01/2020 và các biên bản hòa giải, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Hương trình bày:* bà H xác nhận có nợ số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng đúng như phía bà T đã trình bày. Tuy trong giấy vay tiền hai bên không có thỏa thuận về tiền lãi, nhưng thực tế mỗi tháng bà H đều trả cho bà T số tiền lãi là 10.000.000 (mười triệu) đồng từ lúc vay cho đến tháng 06/2019. Việc trả lãi hai bên chỉ giao nhận tiền với nhau, không có lập chứng từ nên bà không có yêu cầu gì đối với phần tiền lãi đã trả. Nay bà H đồng ý trả cho bà T số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà H đề nghị được trả dần số nợ trên cho nguyên đơn, mỗi tháng trả 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Bà Dương Thị Như T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi là 10.000.000 (mười triệu) đồng, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ H xác nhận bà còn nợ bà Dương Thị Như T số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của bà đang gặp khó khăn nên bà xin được trả dần số tiền nợ trên, mỗi tháng trả 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi hết nợ.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

- Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 13/12/2017. Nay nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp hợp đồng này nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy vay tiền viết tay lập ngày 13/12/2017 và lời khai nhận của các đương sự có đủ cơ sở xác định ngày 13/12/2017, bà T có cho bà H vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà H đã nhận đủ số tiền vay. Trong giấy vay tiền ngày 13/12/2017, hai bên không xác định thời hạn trả nợ và không có thỏa thuận về lãi suất nhưng tại các buổi làm việc và tại phiên tòa các đương sự đều xác định có thỏa thuận miệng bên ngoài với nhau về lãi suất, hai bên khai việc trả lãi được thực hiện từ tháng 01/2018 đến tháng 5/2019 thì ngưng không tiếp tục trả lãi. Về lãi suất nguyên đơn khai là 2%/ tháng, bị đơn khai là 10%/tháng, việc trả lãi hai bên chỉ giao nhận tiền với nhau, không có lập chứng từ nên không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn phải trả lãi, bị đơn cũng không có yêu cầu gì về phần tiền lãi đã trả cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn thừa nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bị đơn đồng ý trả số tiền này nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản không xác định thời hạn và có lãi suất được quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "...Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý...". Ngày 23/9/2019, bà T đã có thông báo cho bà H yêu cầu bà H trả nợ thể hiện tại vi bằng số 1288/2019/VB-TPLQ.TĐ. Như vậy, bà T đã thông báo trước cho bà H một thời hạn hợp lý để trả nợ. Việc bà H

không thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền đã vay cho bà T là đã làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà T. Do đó, bà T yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ lãi là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn 100.000.000 đồng là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0056078 ngày 29/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 278; Điều 280, Điều 357, Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ H phải trả cho bà Dương Thị Như T số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Dương Thị Như T về việc yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ H phải trả số tiền nợ lãi là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Bà Dương Thị Như T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0056078 ngày 29/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo; kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Thu

